

Số: /BC-UBND

Đắk Glei, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2024 và đề xuất, kiến nghị cho giai đoạn 2026 – 2030

Thực hiện Công văn số 1042/SLĐTĐ-TGXHGN ngày 17/5/2024 của Sở Lao động - TB&XH tỉnh Kon Tum về việc đề nghị báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2024, đề xuất Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2030 và các chính sách giảm nghèo.

Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei báo cáo tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2024 và đề xuất, kiến nghị cho giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn huyện cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

1. Kết quả xây dựng chính sách quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình

- Triển khai thực hiện Quyết định của Chính phủ¹; UBND tỉnh²; Nghị quyết của Đảng bộ huyện³ về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, UBND huyện và UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đã thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Đắk Glei giai đoạn 2021- 2025 đi vào hoạt động và triển khai thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định⁴; ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Đắk Glei giai đoạn 2021- 2025⁵. Đồng thời, chỉ đạo Phòng Lao động - TB&XH thành lập Tổ công tác thực hiện Chương trình⁶; ban hành Quy chế hoạt động của Tổ công tác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững huyện giai đoạn 2021 – 2025 theo quy

¹ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1945/QĐ-TTg ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

² Kế hoạch số 696/KH-UBND ngày 01/3/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về thực hiện công tác giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 3778/KH-UBND ngày 20/10/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2022; Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025.

³ Nghị quyết số 06-NQ/ĐH ngày 10-8-2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025; Chương trình số 17-CTr/HU ngày 09/11/2020 của BCH Đảng bộ huyện lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 về thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo bền vững toàn huyện đến cuối năm 2025 còn dưới 11,75% hộ nghèo; Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 07/4/2020 của UBND huyện về triển khai thực hiện Chương trình số 36-CTr/HU ngày 05-3-2021 của Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025 “*về đẩy mạnh giảm nghèo bền vững, gắn với chống tái nghèo, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số*”.

⁴ Tại Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 21/5/2022 của UBND huyện về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Đắk Glei giai đoạn 2021-2025; các cấp cơ sở gồm 12/12 xã, thị trấn đã thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG theo quy định.

⁵ Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 199/QĐ-BCĐ ngày 07/6/2022 của Ban Chỉ đạo các CTMTQG giai đoạn 2021-2025 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia huyện Đắk Glei giai đoạn 2021-2025.

⁶ Quyết định số 01/QĐ-PLĐTĐ-TGXH ngày 21/5/2022 của Phòng Lao động-TBXH huyện Đắk Glei về việc thành lập Tổ công tác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Đắk Glei, giai đoạn 2021 -2025.

định⁷. Thực hiện ban hành kế hoạch lãnh chỉ đạo triển khai thực hiện mục tiêu công tác giảm nghèo hàng năm trên địa bàn huyện đến các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn theo quy định⁸.

- Địa phương đã ban hành cơ bản đầy đủ, kịp thời trong công tác chỉ đạo quản lý, điều hành thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện theo quy định.

2. Công tác điều hành, phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình: Các cấp, các ngành kịp thời bám sát các quy định trong công tác phối hợp của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương, của tỉnh để điều hành, hướng dẫn thực hiện Chương trình, đảm bảo tổ chức Chương trình được triển khai thực hiện có hiệu quả.

3. Hoạt động truyền thông, thông tin và theo dõi, giám sát, đánh giá Chương trình

- Địa phương đã triển khai thực hiện các hoạt động truyền thông về Chương trình giảm nghèo bền vững⁹. Đồng thời các cấp cơ sở đã triển khai thực hiện tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức làm công tác giảm nghèo, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và cộng đồng dân cư trên địa bàn về công tác giảm nghèo bền vững bằng nhiều hình thức tuyên truyền phù hợp¹⁰. UBND huyện Đăk Glei đã ban hành Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 09/3/2023 về tổ chức tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các xã, thị trấn; tiến hành tổ chức tiếp xúc, đối thoại trực tiếp tại xã Đăk Nhoong với hơn 39 hộ nghèo, hộ cận nghèo tham gia; Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 27/02/2024 về tổ chức tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 trên địa bàn huyện.

- Triển khai thực hiện nhiệm vụ quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội¹¹, địa phương đã ban hành các văn bản thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tại các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn theo quy định¹².

⁷ Quyết định số 02/QĐ-TCT ngày 26/6/2022 của Tổ công tác thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 huyện Đăk Glei về việc ban hành Quy chế hoạt động của Tổ công tác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021 – 2025.

⁸ **Năm 2021:** Kế hoạch số 70/KH-UBND ngày 06/4/2021 của UBND huyện Đăk Glei về Triển khai thực hiện công tác giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững năm 2021 trên địa bàn huyện Đăk Glei; **Năm 2022:** Công văn số 567/UBND-LĐTBXH ngày 04/4/2022 của UBND huyện Đăk Glei về việc giao chỉ tiêu phấn đấu giảm nghèo năm 2022; **Năm 2023:** Công văn số 989-CV/HU ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Huyện ủy Đăk Glei về việc đẩy mạnh thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo đa chiều trên địa bàn huyện năm 2023; Công văn số 874/UBND-LĐTBXH ngày 10/5/2023 của UBND huyện Đăk Glei về việc giao chỉ tiêu phấn đấu giảm nghèo đa chiều năm 2023; **Năm 2024:** Quyết định số 1010/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND huyện Đăk Glei về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

⁹ Triển khai lắp đặt cụm Pano cố định tuyên truyền về công tác giảm nghèo trên địa bàn các xã, thị trấn.

¹⁰ Tổ chức 02 lớp tập huấn nâng cao năng lực thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2022, năm 2023; triển khai kế hoạch lắp đặt mới cụm Pano cố định về công tác giảm nghèo trên địa bàn 04 xã.

¹¹ Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025

¹² Kế hoạch số 248/KH-UBND ngày 28/10/2022 của UBND huyện về kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022; Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 08/6/2023 của UBND huyện về kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023; Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND huyện về thành lập Đoàn kiểm tra tình hình triển khai thực hiện CT MTQG GNBV trên địa bàn huyện Đăk Glei năm 2023; Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 16/4/2024 của UBND huyện về kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn huyện;

4. Công tác chấp hành chế độ giám sát của cơ quan dân cử: Quá trình thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện luôn nhận được sự phối hợp tham gia giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội huyện.

II. TÌNH HÌNH HUY ĐỘNG, PHÂN BỐ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN

Trên cơ sở dự toán của Trung ương, cấp tỉnh phân bổ hàng năm, địa phương đã phân bổ 100% dự toán đến các đơn vị, UBND các xã, thị trấn được giao dự toán triển khai thực hiện Chương trình; thực hiện lãnh chỉ đạo thường xuyên triển khai và sử dụng nguồn lực thực hiện đảm bảo theo quy định của Bộ Tài chính¹³, với dự toán được phân bổ vốn sự nghiệp từ ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 – 2025 toàn huyện **29.460** triệu đồng¹⁴.

(Chi tiết tại các Phụ lục: 01; 02; 03; 04 kèm theo).

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN, TIỂU DỰ ÁN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo: Không thuộc địa phương thực hiện.

2. Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a. Xây dựng, thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ; hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù: Không triển khai thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.

b. Xây dựng, thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: Tổng nguồn vốn Trung ương, tỉnh phân bổ vốn sự nghiệp để thực hiện hỗ trợ các mô hình giảm nghèo là: **11.042** triệu đồng¹⁵, cụ thể:

- **Năm 2022:** Ngân sách Trung ương, tỉnh phân bổ **1.688,0** triệu đồng, địa phương đã phân bổ 100% kinh phí cho 12 xã, thị trấn để triển khai, thực hiện tổng số dự án, mô hình: **13** mô hình. Tiến độ triển khai, thực hiện: Các xã, thị trấn đã triển khai thực hiện mô hình đảm bảo theo quy trình, quy định tại Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động – TB&XH¹⁶ và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế quay vòng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh trong thực hiện hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi đến **232** đối tượng (*hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; nhóm hộ...*) tham gia thụ hưởng chính sách từ Chương trình; đã thực hiện

Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 của UBND huyện về thành lập Đoàn Kiểm tra tình hình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Đăk Glei năm 2024.

¹³ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính¹³ và Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 và các Thông tư hướng dẫn khác được trích dẫn liên quan theo quy định.

¹⁴ Cụ thể: (1): Năm 2021, là năm đầu kỳ triển khai thực hiện Chương trình trình giai đoạn 2021-2025; chưa phân bổ vốn; (2): Năm 2022, ngân sách Trung ương, tỉnh bố trí (vốn sự nghiệp): 4.619 triệu đồng; đã giải ngân 2.635 triệu đồng; chuyển nguồn tiếp tục thực hiện: 1.983 triệu đồng; (3): Năm 2023: Ngân sách Trung ương, tỉnh bố trí (vốn sự nghiệp): 12.112 triệu đồng. Trong đó: Nguồn ngân sách Trung ương: 11.011 triệu đồng; vốn đối ứng ngân sách địa phương 1.101 triệu đồng; chuyển nguồn từ năm 2022 sang để tiếp tục thực hiện: 1.983 triệu đồng; đã giải ngân 5.261 triệu đồng; chuyển nguồn qua năm 2024 tiếp tục thực hiện: 5.749 triệu đồng; (4): Năm 2024: Ngân sách Trung ương, tỉnh bố trí (vốn sự nghiệp): 15.213 triệu đồng. Trong đó: Nguồn ngân sách Trung ương: 13.830 triệu đồng; Nguồn ngân sách địa phương: 1.383 triệu đồng. Hiện nay, các dự án, tiểu dự án thành phần của Chương trình đang trong quá trình triển khai thực hiện.

¹⁵ Trong đó: **năm 2022: 1.688** triệu đồng; **năm 2023: 4.252** triệu đồng; **năm 2024: 5.102** triệu đồng.

¹⁶ Hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc CT MTQG GN bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

giải ngân **1.681** triệu đồng; kinh phí còn lại **6,766** triệu đồng tiếp tục chuyển nguồn thực hiện theo quy định.

- **Năm 2023:** Ngân sách Trung ương, tỉnh phân bổ **4.252,0** triệu đồng, địa phương đã phân bổ 100% kinh phí cho 12 xã, thị trấn để triển khai, thực hiện tổng số dự án, mô hình: **16** mô hình. Tiến độ triển khai, thực hiện: Các xã, thị trấn đã triển khai thực hiện mô hình đảm bảo theo quy trình, quy định tại Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động - TB&XH và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế quay vòng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh trong thực hiện hỗ trợ giống cây trồng và vật nuôi đến **291** đối tượng (*hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo...*) tham gia thụ hưởng chính sách từ Chương trình; đã thực hiện giải ngân **3.473** triệu đồng; kinh phí còn lại **778,425** triệu đồng tiếp tục chuyển nguồn thực hiện theo quy định.

- **Năm 2024:** Ngân sách Trung ương, tỉnh phân bổ: **6.122** triệu đồng; Nguồn ngân sách địa phương¹⁷: **510,0** triệu đồng; địa phương đã phân bổ 100% kinh phí cho 12 xã, thị trấn để triển khai, thực hiện tổng số dự án, mô hình: **14** mô hình. Tiến độ triển khai, thực hiện: Các xã, thị trấn đang triển khai thực hiện mô hình đảm bảo theo quy trình, quy định tại Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động - TB&XH và nghiên cứu thực hiện Thông tư số 03/2024/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 4 năm 2024 của Bộ Lao động-TB&XH¹⁸ và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế quay vòng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh trong thực hiện hỗ trợ giống cây trồng và vật nuôi.

3. Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng: Tổng nguồn vốn Trung ương, tỉnh phân bổ vốn sự nghiệp để thực hiện dự án: **6.232** triệu đồng¹⁹, cụ thể:

a. Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp:

- **Năm 2022:** Ngân sách Trung ương, tỉnh phân bổ **716,0** triệu đồng, địa phương phân bổ cho Phòng NN&PTNT huyện chủ trì phối hợp với các xã, thị trấn để triển khai, thực hiện mô hình sản xuất giống lúa mới ST 25 trên địa bàn các xã Đăk Pek, Đăk Choong và thị trấn; đã thực hiện điều chỉnh sang mô hình hỗ trợ trâu sinh sản trên địa bàn các xã, thị trấn, dự toán bố trí **400,0** triệu đồng; Mô hình hỗ trợ cây giống Mắc ca tại xã Xốp và các xã có điều kiện khác, đã thực hiện điều chỉnh sang mô hình hỗ trợ giống bò sinh sản trên địa bàn các xã, thị trấn, dự toán bố trí: **316,0** triệu đồng. Tiến độ triển khai, thực hiện: Cơ quan chủ trì được phân bổ dự toán đang nghiên cứu, thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- **Năm 2023:** Ngân sách Trung ương, tỉnh phân bổ **1.838,0** triệu đồng vốn Trung ương; đối ứng địa phương **183,8** triệu đồng cho Phòng NN&PTNT huyện chủ trì phối hợp với các xã, thị trấn để triển khai, thực hiện các dự án chè và cây cà phê xứ lạnh. Tiến độ triển khai, thực hiện: Cơ quan chủ trì được phân bổ dự toán đang nghiên cứu,

¹⁷ Theo Khoản 1, Điều 12, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23/7/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum, ngân sách địa phương bố trí bằng 10% ngân sách trung ương.

¹⁸ Về hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 05/6/2024.

¹⁹ Trong đó: **năm 2022: 716** triệu đồng; **năm 2023: 2517** triệu đồng; **năm 2024: 2.999** triệu đồng.

thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- **Năm 2024:** Ngân sách Trung ương, tỉnh phân bổ **2.067** triệu đồng vốn Trung ương; đối ứng địa phương **206,7** triệu đồng cho Phòng NN&PTNT huyện chủ trì phối hợp với các xã, thị trấn để triển khai, thực hiện các dự án chè và cây cà phê xứ lạnh. Tiến độ triển khai, thực hiện: Cơ quan chủ trì được phân bổ dự toán đang nghiên cứu, thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

b. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng:

- **Năm 2022:** Trung ương, tỉnh không giao dự toán kinh phí để triển khai, thực hiện.

- **Năm 2023:** Ngân sách Trung ương, tỉnh phân bổ **679,0** triệu đồng; đối ứng địa phương **67,9** triệu đồng, thực hiện phân bổ cho Phòng Y tế chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan²⁰ để triển khai, thực hiện. Tiến độ triển khai, thực hiện: Hiện nay, đơn vị chủ trì đang triển khai thực hiện theo các quy trình tại Quyết định 3452/QĐ-BYT ngày 06/9/2023 của Bộ Y tế²¹ để thực hiện các hoạt động cân đo trẻ để xác định mức độ suy dinh dưỡng cấp tính, trung bình, nhẹ; thực hiện các bước phân khai vốn mua các sản phẩm dinh dưỡng và đấu thầu. Đã thực hiện tạm ứng **53,780** triệu đồng để thực hiện nhiệm vụ cân, đo cho trẻ từ 0 đến dưới 16 tuổi.

- **Năm 2024:** Ngân sách Trung ương, tỉnh phân bổ **932,0** triệu đồng; đối ứng địa phương **93,2** triệu đồng, thực hiện phân bổ cho Phòng Y tế chủ trì phối hợp với các đơn vị²² để triển khai, thực hiện. Hiện nay, đơn vị chủ trì đang triển khai thực hiện theo các quy trình tại Quyết định 3452/QĐ-BYT ngày 06/9/2023 của Bộ Y tế²³ để thực hiện các hoạt động cân đo trẻ để xác định mức độ suy dinh dưỡng cấp tính, trung bình, nhẹ.

4. Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững: Tổng nguồn vốn Trung ương, tỉnh phân bổ vốn sự nghiệp để thực hiện: **8.852** triệu đồng²⁴, cụ thể:

a. Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

- **Năm 2022:** Ngân sách Trung ương, tỉnh phân bổ **1.527** triệu đồng; các đơn vị được giao vốn đã thực hiện giải ngân **704.543** triệu đồng²⁵ để thực hiện triển khai thực

²⁰ Trung tâm y tế và UBND các xã, thị trấn.

²¹ Về việc ban hành hướng dẫn thực hiện nội dung “cải thiện dinh dưỡng” thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

²² Trung tâm y tế và UBND các xã, thị trấn

²³ Về việc ban hành hướng dẫn thực hiện nội dung “cải thiện dinh dưỡng” thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

²⁴ Trong đó: **năm 2022: 1.764** triệu đồng; **năm 2023: 3.120** triệu đồng; **năm 2024: 3.968** triệu đồng.

²⁵ Cụ thể: (1): **Phòng NN&PTNT:** Vốn phân bổ **60,0** triệu đồng; giải ngân **48,6** triệu đồng thông qua các hoạt động đào tạo nghề cho lao động thuộc huyện nghèo, cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ lao động có nhu cầu thấp; chuyên nguồn tiếp tục thực hiện là **19,320** triệu đồng; (2): **Phòng Lao động TB&XH:** Vốn phân bổ **366,0** triệu đồng; giải ngân **174,290** triệu đồng thông qua các hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề; chuyên nguồn tiếp tục thực hiện là **191,170** triệu đồng; (3): **Trung tâm GDNN-GDTX:** Vốn phân bổ **850,0** triệu đồng; giải ngân **342,0** triệu đồng thông qua các hoạt động hỗ trợ giáo dục nghề nghiệp; đào tạo nghề cho người lao động; truyền thông về giáo dục nghề nghiệp; tư vấn hướng nghiệp và các hoạt động chuyên môn khác;

hiện theo Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06/9/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội²⁶ và Thông tư số 03/2023/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2023 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội²⁷.

- **Năm 2023:** Ngân sách Trung ương, tình phân bổ **2.494** triệu đồng; các đơn vị được giao vốn đã thực hiện giải ngân **669,092** triệu đồng²⁸ để triển khai thực hiện theo Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06/9/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Thông tư số 03/2023/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2023 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; Quyết định số 59/2023/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của UBND tỉnh Kon Tum²⁹

- **Năm 2024:** Kinh phí bố trí thực hiện là **3.205** triệu đồng, trong đó: Hỗ trợ cho Trung tâm GDNN-GDTX huyện: **1.427** triệu đồng; hỗ trợ các hoạt động đào tạo nghề: **1.778** triệu đồng; Đang triển khai thực hiện theo Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06/9/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Thông tư số 03/2023/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2023 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; Quyết định số 59/2023/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của UBND tỉnh Kon Tum.

b. Tiểu dự án 2. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: Ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2024, phân bổ cho Sở Lao động – TB&XH tỉnh (*Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh*) và 03 huyện nghèo trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện. Theo chia sẻ thông tin từ Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh, huyện Đăk Glei trong năm 2022 và 2023 có 09 lao động³⁰ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng:

c. Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững

- **Năm 2022:** Dự toán phân bổ vốn sự nghiệp cho Phòng Lao động - TB&XH huyện **237,0** triệu đồng để triển khai, thực hiện các hoạt động của tiểu dự án. Tiến độ triển khai, thực hiện: Đơn vị đã tổ chức triển khai các hoạt động thu thập thông tin,

chuyển nguồn tiếp tục thực hiện là **507, 7** triệu đồng; (3): **UBND các xã, thị trấn:** Vốn phân bổ **251,0** triệu đồng, giải ngân **147,537** triệu đồng, chuyển nguồn tiếp tục thực hiện **103,427** triệu đồng.

²⁶ hướng dẫn thực hiện nội dung về giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho NLD tại các tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc 03 chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025

²⁷ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động tại các tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025

²⁸ Cụ thể: (1): **Phòng NN&PTNT:** Vốn phân bổ **562,0** triệu đồng; giải ngân **214,070** triệu đồng thông qua các hoạt động đào tạo nghề cho lao động thuộc huyện nghèo, cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ lao động có nhu cầu thấp; chuyển nguồn tiếp tục thực hiện là **347,930** triệu đồng; (2): **Phòng Lao động TB&XH:** Vốn phân bổ **320,0** triệu đồng; giải ngân **96,147** triệu đồng thông qua các hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề; chuyển nguồn tiếp tục thực hiện là **223,853** triệu đồng; (3): **Trung tâm GDNN-GDTX:** Vốn phân bổ **1.388** triệu đồng; giải ngân **217,0** triệu đồng thông qua các hoạt động hỗ trợ giáo dục nghề nghiệp; đào tạo nghề cho người lao động; truyền thông về giáo dục nghề nghiệp; tư vấn hướng nghiệp và các hoạt động chuyên môn khác; chuyển nguồn tiếp tục thực hiện là **1.171** triệu đồng; (4): **UBND các xã, thị trấn:** Vốn phân bổ **224,0** triệu đồng; giải ngân **70,092** triệu đồng; chuyển nguồn tiếp tục thực hiện là **153,907** triệu đồng.

²⁹ Về phê duyệt danh mục nghề đào tạo, đơn giá đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ đào tạo, mức hỗ trợ chi phí đào tạo cho từng nghề trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 03 (ba) tháng áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

³⁰ Cụ thể: (1). **Năm 2022**, Công ty CP XNK TM Hợp tác nhân lực Quốc tế Việt Nam (VINAINCOMEX ..., JSC); Trung tâm lao động ngoài nước tổ chức đưa 02 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài tại các thị trường Đài Loan, Hàn Quốc. (2). **Năm 2023**, các công ty cổ phần đầu tư và hợp tác quốc tế Thăng Long; Công ty cổ phần đầu tư Thuận An DMC; Công ty Trảng An; Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thương mại hợp tác nhân lực quốc tế Việt Nam (VINAINCOMEX...JSC); Trung tâm lao động ngoài nước tổ chức đưa 07 lao động³⁰ đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài tại các thị trường Nhật Bản, Ba Lan, Saudi Arabia, Hungary, Hàn Quốc. Qua điều tra khảo sát, thu nhập bình quân năm của người lao động đi làm việc ở nước ngoài khoảng từ 100-200 triệu đồng/năm. Nhìn chung đời sống của lao động và gia đình các lao động tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cơ bản cải thiện; một số gia đình đã vươn lên thoát nghèo.

thị trường lao động năm 2022 theo quy định tại Thông tư số 11/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2022 của Bộ Lao động - TB&XH³¹. Đã thực hiện giải ngân 100% kế hoạch vốn được bố trí theo quy định.

- **Năm 2023:** Dự toán được phân bổ vốn sự nghiệp **626,0** triệu đồng, trong đó: Phòng Lao động - TB&XH huyện **76,0** triệu đồng; UBND các xã, thị trấn **550,0** triệu đồng để triển khai, thực hiện các hoạt động thu thập thông tin, thị trường lao động năm 2023 theo quy định tại Thông tư số 11/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2022 của Bộ Lao động - TB&XH và đã thực hiện giải ngân **504,625** triệu đồng, chuyển nguồn **121,374** triệu đồng tiếp tục thực hiện; địa phương đã phối hợp với Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh tổ chức được 08 phiên giao dịch việc làm tại cấp huyện và 12 xã, thị trấn với 346 người lao động tham gia, nắm bắt các thông tin về thị trường lao động, có sự lựa chọn khi cần liên hệ với Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh để được hỗ trợ giới thiệu việc làm.

- **Năm 2024:** Dự toán được phân bổ **763,0** triệu đồng, trong đó: Phòng Lao động - TB&XH huyện **91,0** triệu đồng; UBND các xã, thị trấn **672,0** triệu đồng để triển khai, thực hiện các hoạt động của tiểu dự án. Tiến độ triển khai, thực hiện: Hiện nay, đang lãnh chỉ đạo tổ chức triển khai các hoạt động thu thập thông tin, thị trường lao động theo quy định tại Thông tư số 11/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2022 của Bộ Lao động - TB&XH.

5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo: Không thuộc địa phương thực hiện.

6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin: Tổng nguồn vốn Trung ương, tỉnh phân bổ vốn sự nghiệp để thực hiện: **1.429** triệu đồng³², cụ thể:

a. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin:

- **Năm 2022:** Dự toán được phân bổ **31,0** triệu đồng cho phòng Văn hóa và Thông tin huyện chủ trì phối hợp với 12 xã, thị trấn để triển khai, thực hiện. Đơn vị chủ trì được giao dự toán phối hợp với các xã, thị trấn triển khai thực hiện các quy trình Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông³³ và Nghị quyết số 88/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh³⁴, đã thực hiện giải ngân **31,0** triệu đồng kế hoạch vốn được bố trí.

- **Năm 2023:** Dự toán được phân bổ **358,0** triệu đồng vốn Trung ương ; vốn địa phương **35,8** triệu đồng cho phòng Văn hóa và Thông tin huyện thực hiện nâng cấp đài truyền thanh ứng dụng CNTT-VT; mua sắm trang thiết bị ứng dụng CNTT vào hệ thống truyền thanh cơ sở 03 cấp, nâng cao nhận thức văn hóa xã hội cho đồng bào dân tộc xã Đăk Choong. Thực hiện giải ngân **358,0** triệu đồng kế hoạch vốn bố trí.

- **Năm 2024:** Dự toán được phân bổ **842,0** triệu đồng vốn Trung ương; vốn địa phương **84,2** triệu đồng. Trong đó, phân bổ cho phòng Văn hóa và Thông tin huyện **501,0** triệu đồng, đối ứng **50,1** triệu đồng; UBND các xã, thị trấn: **128,0** triệu đồng, đối ứng **12,8** triệu đồng. Hiện nay đang trong quá trình triển khai, thực hiện.

³¹ Hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021-2025 (đối tượng huyện nghèo).

³² Trong đó: **năm 2022:** 67 triệu đồng; **năm 2023:** 520 triệu đồng; **năm 2024:** 842 triệu đồng.

³³ Hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

³⁴ Quy định nội dung và mức chi Dự án 5, Dự án 6 CTMTQG giảm nghèo giai đoạn 2021-2025.

b. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

- **Năm 2022:** Dự toán được phân bổ **36,0** triệu đồng cho Phòng Lao động - TB&XH huyện chủ trì phối hợp với 12 xã, thị trấn để triển khai, thực hiện³⁵ lắp đặt mới 03 cụm Pano cố định tuyên truyền về công tác giảm nghèo năm 2022 tại 03 xã: Mường Hoong, Đăk Choong và Xốp, bàn giao cho các địa phương quản lý và khai thác sử dụng theo quy định; đã thực hiện giải ngân 100% kế hoạch vốn được bố trí.

- **Năm 2023:** Dự toán được phân bổ **162,0** triệu đồng vốn Trung ương; vốn địa phương **16,0** triệu đồng cho Phòng Lao động - TB&XH huyện chủ trì phối hợp với 12 xã, thị trấn để triển khai, thực hiện 06 hoạt động³⁶. Đơn vị chủ trì triển khai đến các xã, thị trấn thực hiện các nội dung quy trình tại Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông³⁷; xây dựng Kế hoạch số 09/KH-PLĐTĐTBXH ngày 01/2/2023 của Phòng Lao động – TB&XH huyện³⁸ triển khai lắp đặt mới 04 cụm Pano cố định tuyên truyền về công tác giảm nghèo năm 2023 tại 04 xã³⁹ và thực hiện các hoạt động chuyên môn khác. Đã thực hiện giải ngân **73.808** triệu đồng; kinh phí còn lại **88,191** triệu đồng tiếp tục chuyển nguồn sang năm 2024 thực hiện.

- **Năm 2024:** Dự toán được phân bổ **213,0** triệu đồng vốn Trung ương; vốn địa phương **21,3** triệu đồng. Trong đó: Phòng Lao động - TB&XH huyện **149,0** triệu đồng; đối ứng **14,9** triệu đồng để triển khai, thực hiện 06 hoạt động⁴⁰; UBND các xã, thị trấn: **64,0** triệu đồng; đối ứng **6,4** triệu đồng: Tiến độ triển khai, thực hiện: Đang tổ chức triển khai, thực hiện.

7. Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình: Tổng nguồn vốn Trung ương, tỉnh phân bổ vốn sự nghiệp để thực hiện: **1.905** triệu đồng⁴¹, cụ thể:

³⁵ Kế hoạch số 249/KH-UBND ngày 28/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện triển khai các hoạt động truyền thông về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện; Xây dựng Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 15/11/2022 của Phòng Lao động – TB&XH huyện.

³⁶ Cụ thể: Xây dựng, tổ chức thực hiện các CT, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững (pano, áp phích, tờ rơi, hình thức khác...); Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo; Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững; Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo; ây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới; tổ chức các hoạt động đối thoại CS về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở;

³⁷ Hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

³⁸ Về triển khai tuyên truyền, truyền thông về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn các xã, thị trấn;

³⁹ Gồm các xã: Đăk Long; Đăk Pék Đăk Nhoong và Đăk Man

⁴⁰ Cụ thể: Xây dựng, tổ chức thực hiện các CT, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững (pano, áp phích, tờ rơi, hình thức khác...); Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo; Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững; Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo; ây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới; Tổ chức các hoạt động đối thoại CS về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở;

⁴¹ Trong đó: năm 2022: 384 triệu đồng; năm 2023: 602 triệu đồng; năm 2024: 919 triệu đồng.

a. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

- **Năm 2022:** Dự toán phân bổ **251,0** triệu đồng vốn sự nghiệp. Trong đó: Dự toán được phân bổ cho Phòng Lao động - TB&XH huyện **25,0** triệu đồng chủ trì phối hợp với 12 xã, thị trấn để triển khai, thực hiện⁴² tổ chức tập huấn nâng cao năng lực thực hiện Chương trình cho cấp cơ sở, đã thực hiện giải ngân 100% kế hoạch vốn được bố trí. Cấp xã, thị trấn: Dự toán được phân bổ **226,0** triệu đồng, đã thực hiện giải ngân **155,824** triệu đồng; tiếp tục chuyển nguồn **95.176** triệu đồng thực hiện theo quy định.

- **Năm 2023:** Dự toán phân bổ **392,0** triệu đồng vốn sự nghiệp. Trong đó: Dự toán được phân bổ cho Phòng Lao động - TB&XH huyện **118,0** triệu đồng; chủ trì phối hợp với 12 xã, thị trấn để triển khai, thực hiện⁴³ tổ chức tập huấn nâng cao năng lực thực hiện Chương trình cho cấp cơ sở, đã thực hiện giải ngân **28,536** triệu đồng; tiếp tục chuyển nguồn **89,464** triệu đồng thực hiện theo quy định. Cấp xã, thị trấn: Dự toán được phân bổ **274,0** triệu đồng, đã thực hiện giải ngân **140,612** triệu đồng; tiếp tục chuyển nguồn **133.387** triệu đồng thực hiện theo quy định.

- **Năm 2024:** Dự toán được phân bổ **574,0** triệu đồng vốn sự nghiệp. Trong đó: Phòng Lao động - TB&XH huyện **230,0** triệu đồng; đối ứng **23,0** triệu đồng chủ trì phối hợp với 12 xã, thị trấn để triển khai, thực hiện tổ chức tập huấn nâng cao năng lực thực hiện Chương trình cho cấp cơ sở, dự kiến thực hiện trong quý III năm 2024. Cấp xã, thị trấn: Dự toán được phân bổ **344,0** triệu đồng, đối ứng **34,4** triệu đồng; đang triển khai thực hiện.

b) Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá

- **Năm 2022:** Dự toán được phân bổ **133,0** triệu đồng vốn sự nghiệp. Trong đó: Phòng Lao động - TB&XH huyện **20,0** triệu đồng; tiến hành⁴⁴ kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 tại 12 xã thị trấn, thực hiện giải ngân 100% kế hoạch vốn được bố trí. UBND các xã, thị trấn: Dự toán được phân bổ **113,0** triệu đồng; đã thực hiện giải ngân **74,0** triệu đồng; tiếp tục chuyển nguồn **39,0** triệu đồng thực hiện theo quy định.

- **Năm 2023:** Dự toán được phân bổ **210,0** triệu đồng vốn sự nghiệp. Trong đó: Phòng Lao động - TB&XH huyện **10,0** triệu đồng; tiến hành⁴⁵ kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 tại 05 xã, thị trấn⁴⁶ thực hiện giải ngân 100% kế hoạch vốn được bố trí. UBND các xã, thị trấn: Dự toán được phân bổ **200,0** triệu đồng; đã thực hiện giải ngân **75,510** triệu đồng; tiếp tục chuyển nguồn **124,490** triệu đồng thực hiện theo quy định.

⁴² Thực hiện xây dựng Kế hoạch số 13/KH-LĐTĐTBXH ngày 01/11/2022 của Phòng LĐ-TBXH huyện về triển khai thực hiện nâng cao năng lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 trong 02 ngày, ngày 21, 22 tháng 12 năm 2022 với 40 đại biểu tham gia.

⁴³ Triển khai thực hiện xây dựng Kế hoạch số 02/KH-LĐTĐTBXH ngày 16/4/2023 của Phòng Lao động - TBXH huyện về triển khai thực hiện nâng cao năng lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 tổ chức tập huấn nâng cao năng lực thực hiện Chương trình cho cấp cơ sở trong 02 ngày, ngày 21, 22 tháng 4 năm 2023 với 37 đại biểu tham gia.

⁴⁴ Tham mưu UBND huyện ban hành Kế hoạch số 248/KH-UBND ngày 28/10/2022 của UBND huyện về kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022; thực hiện Thông báo số 35/TB-PLĐTĐTBXH ngày 07/12/2022 theo kế hoạch đề ra.

⁴⁵ Tham mưu UBND huyện ban hành Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 08/6/2023 của UBND huyện về kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023.

⁴⁶ Các xã Xốp, Đắk Choong, Đắk Long, Đắk Môn và thị trấn

- **Năm 2024:** Dự toán được phân bổ **345,0** triệu đồng vốn sự nghiệp. Trong đó: Phòng Lao động - TB&XH huyện **120,0** triệu đồng; đối ứng **12,0** triệu đồng để thực hiện⁴⁷ kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 tại các xã, thị trấn. UBND các xã, thị trấn: Dự toán được phân bổ **225,0** triệu đồng; đối ứng **22,5** triệu đồng. Hiện nay đang triển khai thực hiện.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu của Chương trình: Qua triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án hỗ trợ trực tiếp từ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững đồng hành cùng với Chương trình MTQG nông thôn mới; Chương trình MTQG vùng ĐBDTTS giai đoạn 2021-2025, công tác giảm nghèo tiếp tục được cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện theo mục tiêu⁴⁸ tại Nghị quyết 06-NQ/ĐH ngày 10-8-2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện đề ra, qua thực hiện tỷ lệ hộ nghèo đa chiều toàn huyện đã giảm xuống (*đầu năm 2021 có 2.532 hộ, chiếm tỷ lệ 18,91%; cuối năm 2023 giảm còn 1.457 hộ, chiếm tỷ lệ 10,40%*); hộ cận nghèo (*đầu năm 2021 có 1.226 hộ, chiếm 9,16%, cuối năm 2023 giảm còn 1.091 hộ, chiếm tỷ lệ 7,79%*), tương ứng **giảm** tỷ lệ hộ nghèo **5,06/5,0 đạt 101,12%** so chỉ tiêu giảm tỷ lệ nghèo năm 2023 Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Công văn số 100/UBND-KGVX ngày 07/4/2023.

2. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội: Thu nhập bình quân hộ nghèo tăng so với đầu kỳ; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống **còn 10,40%**; tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế - xã hội của địa phương ước thực hiện đến 06 tháng đầu năm 2024 tăng lên so với cùng kỳ⁴⁹ năm 2021.

3. Kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội

- Chính sách hỗ trợ giáo dục đào tạo: Các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện thường xuyên rà soát và chi trả các chính sách hỗ trợ cho học sinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo và chính sách khác đảm bảo kịp thời theo quy định.

- Chính sách Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội tự nguyện: Triển khai và thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương⁵⁰; Chính phủ⁵¹; Tỉnh ủy⁵²; HĐND tỉnh⁵³; UBND

⁴⁷ tham mưu UBND huyện ban hành Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 16/4/2024 của UBND huyện về kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn huyện; Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 của UBND huyện về thành lập Đoàn Kiểm tra tình hình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Đăk Glei năm 2024 để triển khai, thực hiện, giám sát, đánh giá Chương trình tại các đơn vị được giao dự toán cấp huyện và 12, xã, thị trấn.

⁴⁸ “Bình quân mỗi năm giảm 6%”

⁴⁹ Tổng giá trị sản xuất thực hiện năm 2021 (*giá hiện hành*) là **2.792** tỷ đồng **tăng 339** tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, **đạt 98%** kế hoạch; Cơ cấu tổng giá trị sản xuất: Khu vực Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản **tăng 0,9%**; Khu vực Công nghiệp và Xây dựng **giảm 1,6%**; Khu vực Dịch vụ **tăng 1,1%** so với cùng kỳ năm 2020. Tốc độ tăng trưởng chung **13,88% đạt 87%** kế hoạch và **giảm 1,99%** so với cùng kỳ. Thu nhập bình quân đầu người tăng từ **34,7** triệu đồng năm 2020 lên **36** triệu đồng năm 2021, **đạt 100%** kế hoạch.

⁵⁰ Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 23/5/2018 của BCH TW về cải cách chính sách BHXH.

⁵¹ Nghị quyết số 125/NQ-CP, ngày 08/10/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW; Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; Nghị định số 75/2023/NĐCP ngày 19/10/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; Thông tư số 30/2019/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2019 của Bộ Lao động – TB&XH về hướng dẫn lập danh sách đối tượng tham gia BHYT do Bộ Lao động – TB&XH quản lý;

⁵² Chương trình số 72-CT/TU ngày 21-11-2018 của BCH Đảng bộ tỉnh Khóa XV về thực hiện; Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23-5-2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách BHXH...

tỉnh⁵⁴ và Hướng dẫn Liên ngành số 07/HDLN-SLĐTBXH-SYT-STC-SGDĐT-BDT-BHXXH ngày 31/12/2020 của Liên ngành: Sở Lao động - TB&XH, Sở Y Tế - Sở Tài Chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Bảo hiểm xã hội tỉnh Kon Tum⁵⁵; địa phương đã ban hành các văn bản lãnh chỉ đạo tổ chức triển khai, thực hiện về tăng cường công tác quản lý nhà nước đối tượng được ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng thẻ BHYT toàn huyện⁵⁶. Đến ước thực hiện đến hết quý II năm 2024 các nhóm đối tượng do ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế **41.787** đối tượng, với tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt **79,91%**; bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt **6,89%** so với lực lượng lao động toàn huyện⁵⁷.

- Về tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện: Số người tham gia BHXH được NSNN hỗ trợ mức đóng là **1.376** người. Trong đó, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí ước thực hiện đến hết quý II năm 2024 là **142** người, với số tiền hỗ trợ là **33,792** triệu đồng.

- Chính sách trợ giúp pháp lý: Triển khai thực hiện chính sách trợ giúp xã hội tại Nghị định 20/2021/NĐ-CP của Thủ tướng⁵⁸; Thông tư 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24/06/2021 của Bộ Lao động - TB&XH về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ⁵⁹ và Nghị quyết 68/NQ-HĐND ngày 14/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum, các chính sách được triển khai đảm bảo kịp thời theo quy định, toàn huyện đang theo dõi, quản lý và chi trả chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng qua hệ thống Bưu điện cho **1.514** đối tượng⁶⁰ các

⁵³ Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của HĐND tỉnh Kon Tum quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

⁵⁴ Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 20/3/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội (BHXH) trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2030; Công văn số 980/UBND-KGVX ngày 25/3/2024 của UBND tỉnh Kon Tum về tiếp tục tăng cường thực hiện chính sách BHXH, BHTN trên địa bàn tỉnh...

⁵⁵ Về việc triển khai cấp thẻ bảo hiểm y tế (BHYT) cho các đối tượng xã hội, học sinh, sinh viên và phương thức thanh toán phần kinh phí do ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng BHYT

⁵⁶ Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 15/02/2019 về thực hiện các chỉ tiêu về chính sách an sinh xã hội BHXH, BHYT, BHTN năm 2019 trên địa bàn huyện; Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 về việc ban hành Đề án thực hiện chính sách BHXH trên địa bàn huyện Đăk Glei đến năm 2030; Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 17/5/2019 triển khai thực hiện Đề án cải cách chính sách BHXH trên địa bàn huyện đến năm 2030; Công văn số 905/UBND-VHXH ngày 10/7/2019 về việc triển khai thực hiện phát triển đối tượng tham gia BHXH tự nguyện trên địa bàn huyện; Công văn số 651/UBND-LĐTBXH ngày 29/3/2024 của UBND huyện Đăk Glei về tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối tượng được ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng thẻ BHYT; Công văn số 1476/UBND-LĐTBXH ngày 07/8/2020 của UBND huyện về tăng cường chỉ đạo thực hiện trách nhiệm rà soát đề xuất cho đối tượng được ngân sách nhà nước cấp thẻ BHYT; hỗ trợ đóng BHYT;

⁵⁷ Cụ thể: (1): Người thuộc diện hộ nghèo được cấp thẻ BHYT là 4.253 người, với 1.033.803.000 đồng kinh phí thực hiện; người thuộc hộ cận nghèo được cấp thẻ BHYT là 514 người, với 125.002.350 đồng kinh phí thực hiện; (2): Các nhóm tham gia BHYT được NSNN đóng, hỗ trợ một phần mức đóng khác gồm: Người DTTS sinh sống vùng ĐBKK khó khăn: 22.184 người, với 5.387.958.000 đồng kinh phí thực hiện; nhóm tham gia bảo trợ xã hội: 625 người, với 151.713.000 đồng kinh phí thực hiện; Nhóm người có công, thân nhân có công, cựu chiến binh, tham gia kháng chiến: 634 người, với 154.467.000 đồng kinh phí thực hiện; Người sinh sống vùng KTXH ĐBKK: 2.443 người, với 590.652.000 đồng kinh phí thực hiện; Nhóm trẻ em dưới 6 tuổi: 6.983 người, với 1.654.509.600 đồng kinh phí thực hiện; Đại biểu HĐND: 96 người, với 23.328.000 đồng kinh phí thực hiện; Nhóm học sinh được NSNN hỗ trợ 40% mức đóng: 413 người, với 7.065.732 đồng kinh phí thực hiện; Nhóm người DTTS đang sinh sống tại các địa bàn xã khu vực II, III trong giai đoạn 2016-2020 nhưng không thuộc giai đoạn 2021-2025 được NSNN hỗ trợ 70% mức đóng: 3.483 người, với 610.205.400 đồng kinh phí thực hiện; Nhóm hộ gia đình NLNN có mức sống trung bình được NSNN hỗ trợ 40% mức đóng: 148 người, với 12.700.800 đồng kinh phí thực hiện; Nhóm người từ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng tại cơ quan BHXH: 11 người, với 2.673.000 đồng kinh phí thực hiện.

⁵⁸ Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội

⁵⁹ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội

⁶⁰ Trong đó: Nhóm đối tượng thụ hưởng tại Nghị định 20/2021/NĐ-CP của Thủ tướng hơn **1.496** đối tượng; nhóm đối tượng thụ hưởng chính sách đặc thù của tỉnh tại Nghị quyết 68/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum: **18** đối tượng.

loại theo quy định.

- Chính sách tiền điện: Triển khai thực hiện hỗ trợ kịp thời chính sách tiền điện⁶¹ cho hộ nghèo toàn huyện giai đoạn 2021-2024.

- Chính sách tín dụng ưu đãi: Triển khai thực hiện công tác giải quyết việc làm cho người lao động⁶², địa phương đã chỉ đạo⁶³ đến các cơ quan chuyên môn; Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện; cấp xã, thị trấn; các doanh nghiệp; hợp tác xã, nhóm hợp tác sản xuất... triển khai thực hiện có hiệu quả công tác giải quyết cho vay vốn tạo việc làm từ Quỹ Quốc gia về việc làm tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ để thụ hưởng chính sách tại Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chỉ đạo Ngân hàng Chính sách xã hội huyện, các đơn vị có liên quan thực hiện tuyên truyền đến các đối tượng được thụ hưởng các chính sách tín dụng, đảm bảo hỗ trợ kịp thời vốn cho các hộ nghèo, hộ mới thoát nghèo; mới thoát cận nghèo; hộ cận nghèo để tổ chức sản xuất kinh doanh nhằm thoát nghèo bền vững; phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trên các phương tiện truyền thông về chủ trương, chính sách tín dụng của Chính phủ; Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 10/02/2020 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án cho vay tiêu dùng từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi hoạt động “tín dụng đen” trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Công tác triển khai, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững được các cấp, các ngành trên toàn huyện tổ chức quán triệt, tích cực và chủ động lãnh chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ gắn với các nhiệm vụ, giải pháp đề ra; việc triển khai thực hiện các dự án, mô hình giảm nghèo đã góp phần và tạo điều kiện, cơ hội cho người dân được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần cải thiện, nâng cao dân chất lượng sống của người dân, phát triển kinh tế - xã hội; quốc phòng an ninh được giữ vững và trật tự an toàn xã hội ổn định.

- Ban Chỉ đạo các cấp được thành lập, kiện toàn kịp thời, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trong lãnh chỉ đạo, điều hành, điều phối, đảm bảo Chương trình được triển khai thực hiện có hiệu quả.

- Tỷ lệ giảm nghèo trên địa bàn huyện được giảm dần so với đầu kỳ năm 2021; cơ bản đạt và vượt chỉ tiêu phấn đấu giảm nghèo so với lộ trình giảm nghèo theo kế hoạch phấn đấu hàng năm của cấp ủy đề ra.

2. Tồn tại, hạn chế trong qua trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia

⁶¹ Năm 2021, thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho 2.780 hộ nghèo với kinh phí thực hiện 1.834,8 triệu đồng; năm 2022 thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho 2.532 hộ nghèo với kinh phí thực hiện 1.671,12 triệu đồng; năm 2023 thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho 2.118 hộ nghèo với kinh phí thực hiện 1.471,16 triệu đồng; Năm 2024, đang triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện theo Quyết định 203/QĐ-UBND ngày 10/4/2024 của UBND tỉnh về điều chỉnh mức hỗ trợ tiền điện hàng tháng cho HN, hộ chính sách XH trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

⁶² Kế hoạch số 104/KH-SLĐTBXH ngày 31/12/2021 của Sở Lao động - TB&XH tỉnh Kon Tum

⁶³ Căn cứ Công văn số 482/UBND-VX ngày 22/3/2022 của UBND huyện về thực hiện Kế hoạch số 104/KH-SLĐTBXH ngày 31/12/2021 của Sở Lao động - TB&XH tỉnh Kon Tum về triển khai công tác giải quyết việc làm cho người lao động năm 2022.

giảm nghèo giai đoạn 2021 - 2025:

- Theo nội dung trả lời tại Công văn số 1516/TCGDNN-KHTC ngày 31/7/2023 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp - Bộ LĐ-TB&XH về giải quyết các vướng mắc trong thực hiện các nội dung về giáo dục nghề nghiệp thuộc 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 quy định “*Trung tâm GDNN - GDTX huyện không phải là cơ sở GDNN và không được hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, một số hạng mục công trình, mua sắm máy móc, trang thiết bị, phương tiện đào tạo... từ nguồn vốn thuộc 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025*”. Do đó, gặp nhiều khó khăn (*nguồn lực lớn các địa phương bị giới hạn về đối tượng, nội dung thực hiện*) về giải ngân dự toán ngân sách được giao tại Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, vùng nghèo, vùng khó khăn thuộc Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững.

- Hiện nay, Bộ Lao động – TB&XH chưa có hướng dẫn cụ thể của về tiêu chí xác định người lao động có thu nhập thấp.

3. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế

- Giai đoạn 2021-2025 là năm giao thời giữa giai đoạn cũ 2016-2020, Trung ương chưa ban hành các chính sách cho giai đoạn mới kịp thời và chưa có văn bản hướng dẫn.

- Việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, có nhiều quy định, chính sách mới nên việc tiếp cận, tổ chức triển khai thực hiện cơ sở gặp khó khăn dẫn đến các địa phương, cấp cơ sở triển khai thực hiện còn chưa kịp thời.

- Công tác lãnh chỉ đạo ở một số chính quyền địa phương cấp cơ sở chưa quyết liệt; một số đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã chưa chủ động dành thời gian nghiên cứu kỹ các quy định và hướng dẫn về nội dung hỗ trợ, phạm vi, đối tượng, mục tiêu, nhiệm vụ của từng các dự án, tiểu dự án thành phần của Chương trình được quy định tại các Nghị định, Thông tư, hướng dẫn dẫn đến công tác tham mưu triển khai thực hiện còn lúng túng.

3. Bài học kinh nghiệm

- Một là, phải làm tốt công tác tuyên truyền vận động, để mọi người hiểu rõ mục tiêu của Chương trình, từ đó nhân dân tin tưởng và tích cực, tự giác hưởng ứng thực hiện.

- Hai là, các cấp ủy, chính quyền phải thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình; xác định Chương trình mục tiêu quốc gia là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên, lâu dài, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; gắn việc hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của từng Chương trình với trách nhiệm của người đứng đầu và cấp ủy các cấp, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

- Ba là, trong điều kiện địa phương thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều còn cao, điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, cần huy động, lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn lực phục vụ cho Chương trình; trong đó cùng với nguồn lực nhà nước cần tranh thủ vận động đa dạng các nguồn lực xã hội ngoài nhà nước.

- Bốn là, công cuộc thực hiện xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là một quá trình lâu dài, không được chủ quan, nóng vội, chạy theo thành tích, nhưng phải hết sức tích cực, quyết liệt, vừa làm vừa rút kinh nghiệm hoàn thiện. Cần kịp thời khen thưởng,

biểu dương những cá nhân, tổ chức tích cực tham gia đóng góp triển khai thực hiện các Chương trình; tăng cường đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát ở các cấp trong thực hiện Chương trình.

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRONG GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. 1. Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình)

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền trong việc tổ chức thực hiện mục tiêu Chương trình; nâng cao trách nhiệm sự phối hợp của các ngành, đoàn thể; tăng cường công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện, kịp thời báo cáo và đề xuất những phát sinh mới (vướng mắc, kinh nghiệm) trong thực hiện.

- Tăng cường phân cấp, phân quyền trong việc lựa chọn mục tiêu ưu tiên để thực hiện và phân bổ nguồn lực để thực hiện chương trình nhưng phải đảm bảo nguyên tắc kế hoạch thực hiện các mục tiêu của Chương trình.

- Tăng cường sự tham gia, giám sát của người dân, cộng đồng hơn nữa trong quá trình thực hiện.

- Cần phải có cơ chế đảm bảo để người dân được tham gia vào bàn bạc, quyết định một số nội dung như: quyết định các vấn đề đầu tư, cách thức triển khai, giám sát việc đóng góp, huy động và sử dụng nguồn lực thực hiện Chương trình. Qua đó, tạo động lực và coi người dân là chủ thể chính để thực hiện mục tiêu về giảm nghèo. Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng, tổ chức, cá nhân trong việc tham gia thực hiện Chương trình; đặc biệt là sự tham gia của các doanh nghiệp vào quá trình xã hội hóa trong việc cung cấp các dịch vụ xã hội.

- Huyện Đăk Glei thuộc huyện khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, về nguồn thu ngân sách không có, chủ yếu hỗ trợ từ nguồn ngân sách cấp trên. Do vậy, về quy định việc đối ứng từ nguồn ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình thực hiện bằng cách lồng ghép có tính chất tương đồng.

- Các Bộ, ngành là cơ quan chủ quản Chương trình sớm xây dựng, ban hành cẩm nang thực hiện từng Chương trình giai đoạn 2026-2030 để nâng cao khả năng tham mưu tổ chức thực hiện tại các địa phương.

2. Đối với Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam: Xem xét cân đối bố trí đủ nguồn lực để thực hiện các Chương trình tín dụng chính sách xã hội; sớm điều chỉnh mức cho vay tối đa đối với một số Chương trình tín dụng chính sách phù hợp với tình hình hiện nay (*Chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007; Chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/4/2004*). Hằng năm giao đủ chỉ tiêu kế hoạch tín dụng đã xây dựng để cho vay đáp ứng kịp thời nhu cầu vay vốn của hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác.

3. Đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp:

- Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội đến các tầng lớp nhân dân, nhất là hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, gắn với thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động “*Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững*” trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện tốt chức năng giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, có hình thức thích hợp để nhân dân cùng tham gia giám sát hoạt động tín dụng chính sách; đẩy mạnh hơn nữa các hình thức, cách thức phổ biến, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội đến các tầng lớp nhân dân, nhất là hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2024 và đề xuất, kiến nghị cho giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn huyện, báo cáo Sở Lao động – TB&XH tỉnh biết, theo dõi tổng hợp và chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Sở Lao động-TB&XH tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện (b/c);
- Phòng Lao động – TB&XH huyện (t/h);
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Y Thanh